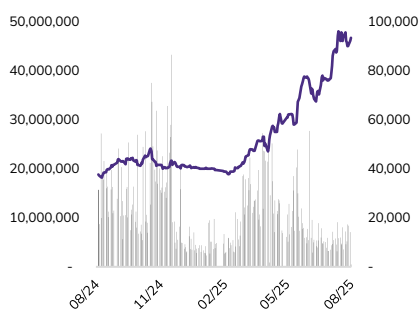


Phạm Hồng Trường

Email: truong.phamhong@abs.vn**THÔNG TIN CƠ BẢN**

Ngành : Bất động sản
 Ngày báo cáo : 11/08/2025
 Giá hiện tại (VND/CP) : 93.500
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 384.043
 SLCPLH (CP) : 4.107.412.004

DIỄN BIẾN GIÁ

Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2Q24	2Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-13,0%	-33,0%
Tăng trưởng LNST (%)	12,4%	-30,6%
Biên LNG (%)	30,6%	23,8%
Biên LNST (%)	38,4%	39,7%
ROA (%)	5,1%	5,2%
ROE (%)	12,7%	14,8%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,34	0,39
EPS (VND/CP)	2.501	1.839
BVPS (VND/CP)	44.155	51.775

Nguồn: VHM, ABS Research

Lợi nhuận chứng lại, hỗ trợ bởi khoản thu nhập tài chính khác

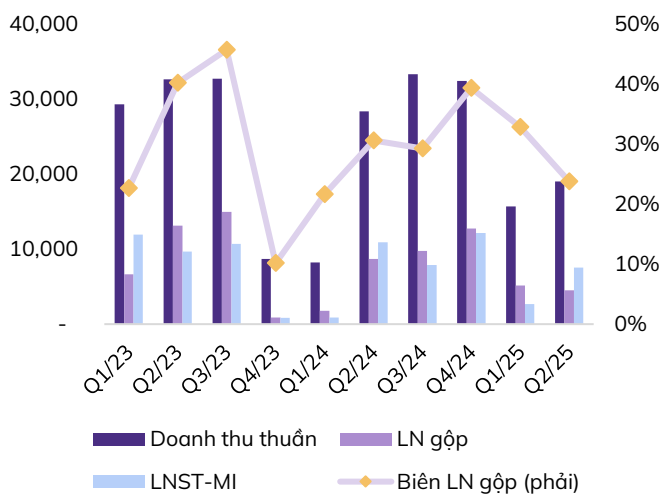
- Lợi nhuận Q2/2025 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập tài chính khác.**
 - Doanh thu thuần Q2/2025 của VHM đạt 19 nghìn tỷ đồng (-33% svck và +21% QoQ). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (LNST-MI) đạt 7,6 nghìn tỷ đồng (-31% svck và gấp 2,8 lần QoQ).
 - Doanh thu BĐS cốt lõi Q2/2025 của VHM (bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và các giao dịch bán buôn được ghi nhận là thu nhập tài chính) đạt 16,5 nghìn tỷ đồng (-43% svck và +53% QoQ). Doanh thu mảng BĐS chủ yếu từ việc bàn giao tại các dự án Royal Island và Ocean Park 2&3. Doanh số bán hàng trong Q2/2025 của VHM đạt 32,5 nghìn tỷ đồng (-8% svck và -7% QoQ) chủ yếu từ doanh số bán lẻ, tập trung tại các dự án Wonder City (Đan Phượng, Hà Nội) và Royal Island (Hải Phòng). Tổng số lượng sản phẩm mở bán trong Q2/2025 đạt 2.900 căn (-12% svck và +32% QoQ). Ngoài ra, cuối tháng 6/2025, Vinhomes đã mở bán 2 dự án mới: (i) Golden City (Hải Phòng) và (ii) Green City (Long An cũ). Ban lãnh đạo công ty cho biết đã bán được hơn 1.300 căn tại 2 dự án này (tương đương 27% quỹ căn mở bán) tính đến cuối Q2/2025.
 - Doanh thu tài chính của VHM trong Q2/2025 đạt 9,2 nghìn tỷ đồng (+13% svck và gấp 2,4 lần QoQ), trong đó ghi nhận khoản thu nhập lớn bất thường 5,4 nghìn tỷ đồng từ khoản bồi thường nhận được từ một đối tác.
 - Theo đó, LSNT-MI Q2/2025 chủ yếu được đóng góp bởi (i) bàn giao tại dự án Royal Island, Ocean Park 2&3; (ii) thu nhập tài chính khác.
- Lũy kế 6T/2025, KQKD sụt giảm so với cùng kỳ.**
 - Doanh thu thuần của VHM đạt 34,7 nghìn tỷ đồng (-5% svck), LNST của Cổ đông Công ty mẹ đạt 10,2 nghìn tỷ đồng (-13% svck). Như vậy, VHM hoàn thành 19% kế hoạch doanh thu và 26% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
 - Doanh thu BĐS cốt lõi 6T/2025 của đạt 27,3 nghìn tỷ đồng (-18% svck). Doanh số bán hàng nửa đầu năm 2025 của VHM đạt 67,5 nghìn tỷ đồng (+31% svck), trong đó Wonder City (bắt đầu mở bán trong Q1/2025) và Royal Island đóng góp 78% tổng doanh số bán. Giá trị hợp đồng bán hàng chưa ghi nhận tại cuối Q2/2025 của VHM đạt 138,2 nghìn tỷ đồng (+16% svck và +15% so với cuối Q1/2025), với Royal Island và Wonder City đóng góp 59% tổng giá trị, giá trị từ doanh số bán lẻ lớn chiếm 41%.
 - Lợi nhuận ròng 6T/2025 của VHM được hỗ trợ chính bởi việc bàn giao tại dự án Royal Island, Ocean Park 2&3 và khoản thu nhập tài chính khác trong Q2/2025. Ban lãnh đạo vẫn tin tưởng sẽ hoàn thành mục tiêu doanh số bán hàng năm 2025 (từ 150-200 nghìn tỷ), đóng góp bởi các dự án đang mở bán như Wonder City, Green City, Golden City, cũng như các dự án mới dự kiến bao gồm Green Paradise và Làng Vân (tùy theo điều kiện thị trường).

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025 VÀ 6T/2025

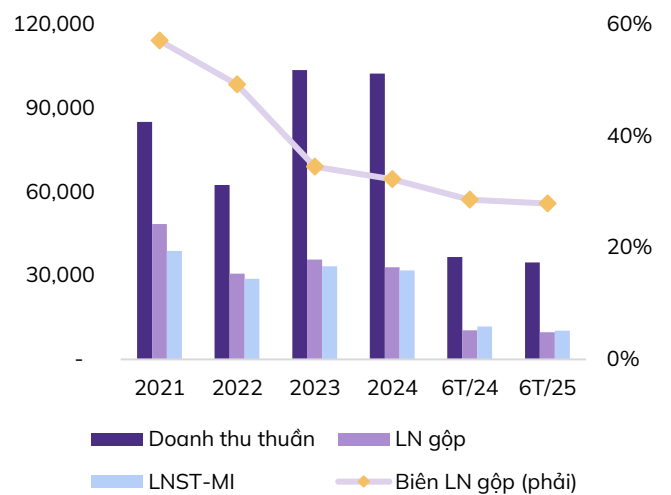
Chỉ tiêu	2Q2024	2Q2025	%YoY	1H2024	1H2025	%YoY
Doanh thu thuần	28.375	19.022	-33,0%	36.587	34.720	-5,1%
Lợi nhuận gộp	8.688	4.524	-47,9%	10.463	9.682	-7,5%
Biên LN gộp (%)	30,6%	23,8%		28,6%	27,9%	
Chi phí BH & QLDN	(1.751)	(1.547)	-11,6%	(2.662)	(3.652)	37,2%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	6,2%	8,1%		7,3%	10,5%	
Doanh thu tài chính	8.082	9.151	13,2%	10.039	13.792	37,4%
Chi phí tài chính	(2.553)	(3.386)	32,6%	(3.922)	(7.245)	84,7%
Chi phí lãi vay	(2.042)	(2.808)	37,5%	(3.109)	(6.450)	107,5%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	12.467	8.743	-29,9%	13.918	12.578	-9,6%
Lợi nhuận trước thuế	12.343	9.106	-26,2%	13.759	12.945	-5,9%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	10.891	7.553	-30,6%	11.776	10.242	-13,0%
Biên LN ròng (%)	38,4%	39,7%		32,2%	29,5%	

Nguồn: VHM, ABS Research

KQKD theo quý của VHM (tỷ VND)

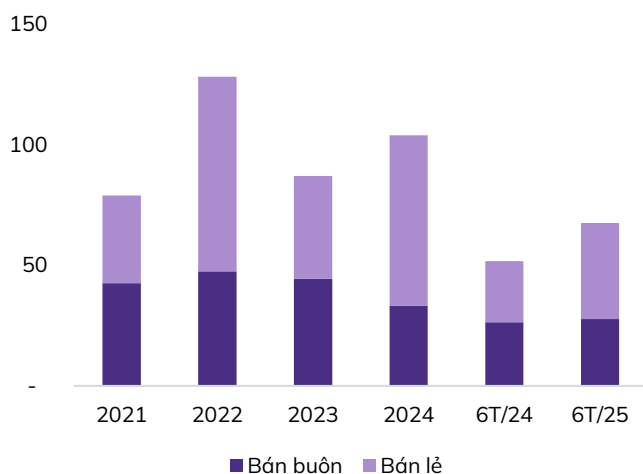


KQKD giai đoạn 2021 – 6T/2025 của VHM (tỷ VND)

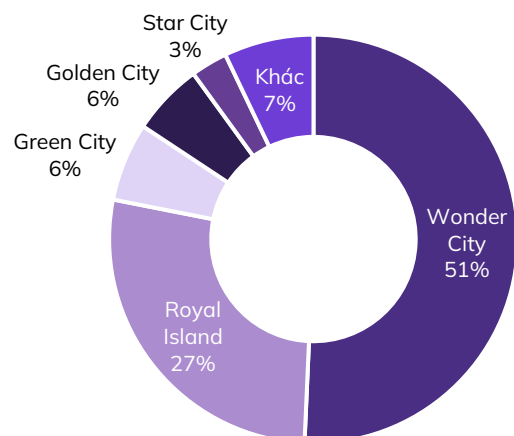


Nguồn: VHM, ABS Research

Doanh số bán hàng của VHM (tỷ VND)



Tỷ lệ doanh số bán hàng theo dự án của VHM 6T/2025



Nguồn: VHM, ABS Research

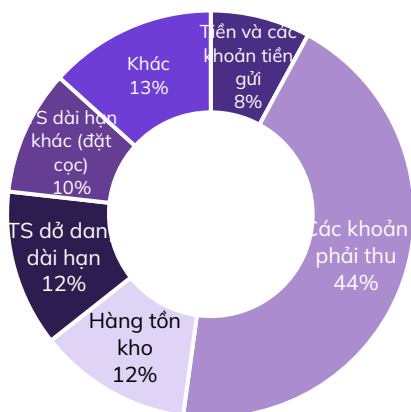
- **Lượng tiền tăng mạnh.**

- **Lượng tiền tăng mạnh tăng từ các khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư.** Tại thời điểm cuối Q2/2025, lượng tiền của VHM (bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn) ở mức gần 50,6 nghìn tỷ đồng (chiếm 7,7% tổng tài sản), tăng mạnh 66% so với cuối năm 2024). Lượng tiền tăng mạnh trong nửa đầu năm 2025 đến từ các khoản nhận góp vốn hợp đồng hợp tác đầu tư, kinh doanh chia sẻ lợi nhuận và các khoản khách hàng đặt cọc trước dự án BĐS.
- **Các khoản phải thu** tại 30/06/2025 có giá trị 291 nghìn tỷ (chiếm 44,3% tổng tài sản, tăng 6% so với cuối năm 2024), trong đó (i) phải thu khác 195 nghìn tỷ, chủ yếu bao gồm: tiền tạm ứng GPMB các dự án BĐS 97 nghìn tỷ; hợp đồng hợp tác kinh doanh (chủ yếu với các bên liên quan) 65 nghìn tỷ đồng; (ii) Trả trước người bán 42 nghìn tỷ; (iii) Phải thu cho vay 34 nghìn tỷ với các doanh nghiệp và cá nhân; (iv) Phải thu khách hàng 20 nghìn tỷ, chủ yếu là phải thu từ chuyển nhượng BĐS 11 nghìn tỷ.
- **Hàng tồn kho** tại 30/06/2025, hàng tồn kho của VHM có giá trị 80,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 12,2% tổng tài sản, tăng 47% so với cuối năm 2024) do giá trị các dự án BĐS để bán tăng mạnh lên 53,2 nghìn tỷ đồng (so với 39 nghìn tỷ đồng cuối năm 2024) tại các dự án như Ocean Park 2&3, Grand Park, Smart City, ... bên cạnh các dự án thực hiện tổng thầu xây dựng 18 nghìn tỷ (so với 5 nghìn tỷ cuối năm 2024). Bên cạnh đó, **tài sản dài hạn khác** hơn 70 nghìn tỷ (chiếm 10,7% tổng tài sản), chủ yếu là các khoản đặt cọc cho mục đích đầu tư các dự án BĐS trong thời gian tới.
- **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn** có giá trị gần 82 nghìn tỷ đồng (chiếm 12,4% tổng tài sản, đi ngang so với cuối năm 2024) bao gồm giá trị một số dự án như: KĐT Đại học Quốc tế 21,3 nghìn tỷ, KĐT mới Phước Vĩnh Tây 9,3 nghìn tỷ, NOXH Vinhomes Long Phước 7 nghìn tỷ, Vinhomes Long Beach Cần Giở 4.3 nghìn tỷ.

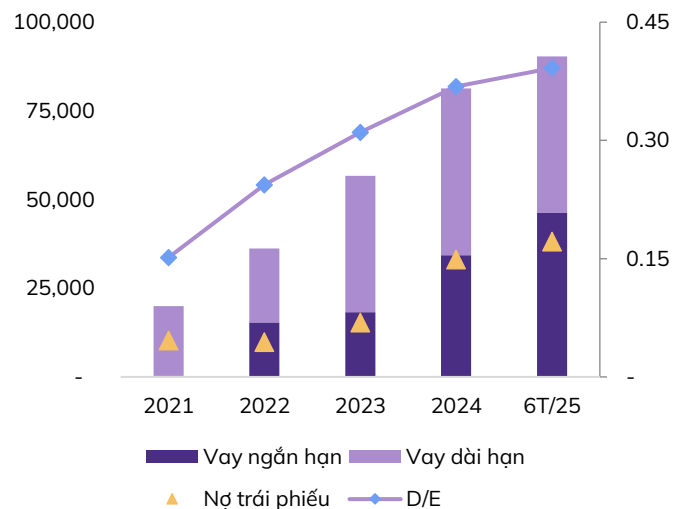
- **Nợ vay tiếp tục gia tăng.**

- **Nợ vay tiếp tục tăng.** Giá trị nợ vay cuối Q2/2025 của VHM ở mức 90,4 nghìn tỷ đồng (+11% so với cuối năm 2024), bao gồm vay ngắn hạn 46,3 nghìn tỷ đồng (+35% so với cuối năm 2024) và vay dài hạn 44,1 nghìn tỷ đồng (-6% so với cuối năm 2024). Dư nợ trái phiếu là 38 nghìn tỷ, trong đó nợ sắp đến hạn trả trong 1 năm tới là 15,9 nghìn tỷ; dài hạn là 22,2 nghìn tỷ (đáo hạn trong nửa sau năm 2027). Hệ số D/E cuối Q2/2025 ở mức 0,39 lần, tăng so với mức 0,37 lần cuối năm 2024.
- **Phải trả khác** có giá trị hơn 202 nghìn tỷ (tương đương 30,7% tổng tài sản), tăng mạnh 49% so với cuối năm 2024 đến chủ yếu từ các giao dịch mà VHM (i) nhận tiền từ góp vốn hợp đồng hợp tác đầu tư, giá trị cuối Q2/2025 là 118,8 nghìn tỷ đồng, (ii) nhận tiền từ khoản đặt cọc của khách hàng giá trị cuối Q2/2025 là 33 nghìn tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản của VHM tại 30/06/2025 (tỷ VND)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của VHM



Nguồn: VHM, ABS Research

Một số dự án đang mở bán/dự kiến mở bán thời gian tới của VHM

STT	Dự án	Vị trí	Diện tích (ha)	Chủ đầu tư	Lợi ích kinh tế của VHM	Thời gian mở bán/bàn giao (ước tính)
1	Ocean Park 1	Hà Nội	420	VHM	99%	2018 - 2025F
2	Smart City	Hà Nội	280	VHM	67%	2018 - 2026F
3	Grand Park	TP.HCM	272	VHM	67%	2018 - 2026F
4	Wonder City	Hà Nội	133	VIC	100%	2021 - 2028F
5	Ocean Park 2	Hưng Yên	458	VHM	100%	2021 - 2026F
6	Ocean Park 3	Hưng Yên	294	VHM	100%	2021 - 2026F
7	Sky Park	Bắc Giang	1,1	VHM	100%	2023 - 2026F
8	Golden Avenue	Quảng Ninh	116	VHM	100%	2023 - 2027F
9	Royal Island (Vũ Yên)	Hải Phòng	877	VIC	95%	2023 - 2027F
10	Mỹ Lâm	Tuyên Quang	455	VHM	66%	2024 - 2031F
11	Thanh Hóa - NOXH	Thanh Hóa	9,2	VIC	100%	2024 - 2027F
12	Muối Cam Ranh - NOXH	Khánh Hòa	87	VHM	100%	2024 - 2027F
13	Golden City (Dương Kinh)	Hải Phòng	240	VHM	100%	2025 - 2030F
14	Green City (Hậu Nghĩa)	Long An	197	VHM	67%	2025 - 2029F
15	Nam Tràng Cát - NOXH	Hải Phòng	28	VHM	100%	2026F - 2029F
16	Quang Hanh	Quảng Ninh	167	VIC	99%	2026F - 2032F
17	Tân Liễu	Bắc Giang	66	VIC	99%	2026F - 2032F
18	Green Paradise (Cần Giẽ)	TP. HCM	2.870	VHM	99%	2026F - 2032F
19	Hóc Môn	TP. HCM	864	VHM	97%	2026F - 2032F
20	Làng Vân	Đà Nẵng	512	VPL	100%	2027F - 2032F
21	Phước Vĩnh Tây	Long An	1.090	VHM-VIG	100%	2027F - 2032F
22	Apollo City (Hạ Long Xanh)	Quảng Ninh	4.110	VHM-VIC	70%	2027F - 2032F
23	Tân Mỹ	Long An	931	VHM	76%	2029F - 2035F
24	Cam Ranh	Khánh Hòa	1.301	VHM-VinES	100%	2029F - 2035F

Nguồn: VHM, ABS Research

- Chúng tôi nhận định triển vọng của VHM tích cực thời gian tới dựa trên các yếu tố sau:
 - Doanh số bán hàng tiếp tục tích cực trong nửa cuối năm 2025.** Trong nửa cuối năm 2025, chúng tôi cho rằng VHM sẽ duy trì doanh số bán hàng tích cực với sự đóng góp chính của các dự án mới Royal Island, Wonder City, Ocean Park 2&3, bên cạnh các dự án mới mở bán như: Golden City (Hải Phòng), Green City (Long An cũ). Tính đến cuối Q2/2025, doanh số bán hàng chưa ghi nhận của VHM là 138,2 nghìn tỷ đồng sẽ hỗ trợ lợi nhuận cả năm của doanh nghiệp.
 - Cơ sở hạ tầng phát triển hỗ trợ bán hàng các dự án mới.** Trong thời gian gần đây, Vingroup liên tiếp đề xuất triển khai/triển khai một loạt các dự án hạ tầng lớn như Cầu Tứ Liên (Hà Nội), Cao tốc Gia Nghĩa – Chơn Thành (Bình Phước), Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh, Tuyến metro Cần Giẽ (kết nối trung tâm TP.HCM với Cần Giẽ), ... sẽ giúp nâng cao khả năng kết nối tới các dự án BĐS của VHM và Vingroup như Global Gate (Đồng Anh), Green Paradise (Cần Giẽ), Apollo City (Hạ Long), ... qua đó thúc đẩy doanh số bán hàng của các dự án này trong tương lai.
 - VHM sở hữu nhiều lợi thế để tiếp tục tăng trưởng trong dài hạn.** Vinhomes có vị thế là nhà phát triển BĐS lớn nhất cả nước với quỹ đất lớn hơn 17.000 ha với pháp lý rõ ràng và quỹ dự án BĐS gối đầu dồi dào. Trong bối cảnh Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng cao với loạt chính sách hỗ trợ liên quan đến tín dụng và lãi suất, tập trung phát triển kinh tế tư nhân, VHM với vị thế của mình sẽ có nhiều cơ hội để tiếp tục phát triển trong thời gian tới, bên cạnh mảng BĐS dân cư truyền thống, công ty cũng phát triển thêm một số dự án BĐS KCN mới. Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý việc Bộ Tài chính đang nghiên cứu để đánh thuế 20% trên lãi chuyển nhượng BĐS, nếu không xác định được đầy đủ chi phí liên quan sẽ áp dụng thuế suất từ 2-10% trên giá trị chuyển nhượng tùy theo thời gian nắm giữ (hiện nay mức thuế đang chỉ áp dụng

là 2% giá trị chuyển nhượng) để làm giảm tình trạng đầu cơ BĐS. Việc này cũng có thể ảnh hưởng đến doanh số bán BĐS của VHM do khiến giá BĐS tăng cao, giảm thanh khoản thị trường – tuy nhiên, Bộ Tài chính vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu phương thức áp dụng và hoàn thiện hệ thống dữ liệu thị trường BĐS, chưa có lộ trình áp dụng cụ thể.

- Năm 2025, VHM đặt mục tiêu doanh thu hoạt động cốt lõi 180 nghìn tỷ đồng (+27% svck) và LNST 42 nghìn tỷ đồng (+20% svck). Ban lãnh đạo kỳ vọng doanh số bán hàng nửa cuối năm 2025 sẽ được hỗ trợ bởi các dự án đang mở bán – như Wonder City, Green City và Golden City (mở bán trong nửa đầu năm 2025) – cũng như các dự án mới dự kiến, bao gồm Green Paradise và Làng Vân, tùy thuộc vào điều kiện thị trường. Ban lãnh đạo vẫn tự tin sẽ đạt mục tiêu giá trị hợp đồng bán hàng năm 2025 vào khoảng 150–200 nghìn tỷ đồng (+44%–92% svck) như đã công bố tại ĐHĐCĐ hồi tháng 4/2025.
- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2025F của VHM ở mức 32.056 tỷ đồng (+1% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 7.804 đ/cp và 57.177 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 12,3x và 1,6x lần; ROE dự kiến đạt 14%. Chúng tôi dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của VHM ở mức 31.094 tỷ đồng (-3% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 7.596 đ/cp và 69.143 đ/cp, ROE dự kiến đạt 12%.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA VHM

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	84.986	62.393	103.557	102.323
Giá vốn hàng bán	(36.526)	(31.696)	(67.850)	(69.356)
Lợi nhuận gộp	48.460	30.696	35.707	32.967
Doanh thu tài chính	7.995	16.690	19.954	26.844
Chi phí tài chính	(2.786)	(4.394)	(3.870)	(10.487)
Chi phí bán hàng	(2.289)	(2.432)	(3.663)	(3.791)
Chi phí QLDN	(3.769)	(2.644)	(4.093)	(4.593)
Lợi nhuận từ HĐKD	47.665	37.973	44.045	40.943
Lãi/lỗ khác	518	670	(735)	(95)
Lợi nhuận trước thuế	48.183	38.643	43.310	40.848
Lợi nhuận sau thuế	38.948	29.162	33.533	35.073
LNST cổ đông Công ty mẹ	38.825	28.831	33.371	31.801

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	17.074	31.520	1.517	(22.400)
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(21.996)	(26.829)	(18.632)	25.385
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(4.165)	1.500	20.401	11.692
LCT thuần trong kỳ	(9.088)	6.191	3.286	14.677
Tiến & tương đương tiến đầu kỳ	13.714	4.626	10.817	14.103
Tiến & tương đương tiến cuối kỳ	4.626	10.817	14.103	28.780

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,25	1,05	1,15	1,02
Khả năng thanh toán nhanh	0,59	0,58	0,70	0,72
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,09	0,07	0,07	0,12
Khả năng thanh toán lãi vay	18,06	12,34	9,16	3,24
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,57	0,41	0,41	0,39
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,43	0,59	0,59	0,61
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,15	0,24	0,31	0,37
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	55,67	88,61	60,90	69,24
Số ngày phải trả	119,46	158,56	95,44	106,34
Số ngày tồn kho	358,08	535,82	322,19	289,78
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	57,0%	49,2%	34,5%	32,2%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	56,1%	60,9%	42,5%	40,0%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	45,7%	46,2%	32,2%	31,1%
ROE	36,9%	21,4%	20,6%	16,7%
ROA	17,4%	9,7%	8,3%	6,3%
ROIC	27,7%	12,1%	10,8%	8,5%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	4.626	10.817	14.103	28.780
+ Đầu tư ngắn hạn	4.979	6.297	3.834	5.392
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	37.750	96.209	132.871	168.406
+ Hàng tồn kho	28.579	64.362	55.318	54.696
+ Tài sản ngắn hạn khác	18.503	18.851	36.215	28.205
Tài sản ngắn hạn	94.437	196.535	242.341	285.479
+ Các khoản phải thu dài hạn	14.955	22.797	33.800	107.670
+ Tài sản cố định	7.498	9.340	11.671	14.622
+ Bất động sản đầu tư	12.079	15.524	17.037	16.916
+ Tài sản dở dang dài hạn	45.033	50.683	60.790	81.990
+ Đầu tư dài hạn	10.940	7.491	7.760	12.519
+ Tài sản dài hạn khác	45.574	59.442	71.231	45.012
Tài sản dài hạn	136.079	165.277	202.290	278.730

Tổng Tài sản	230.516	361.813	444.631	564.209
+ Vay ngắn hạn	251	15.330	18.290	34.276
+ Phải trả người bán	12.507	15.031	20.452	19.960
+ Nợ ngắn hạn khác	62.643	157.401	172.331	224.296
Nợ ngắn hạn	75.401	187.762	211.073	278.532
+ Vay dài hạn	19.668	20.876	38.394	47.016
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	4.040	4.652	12.527	17.917
Nợ dài hạn	23.708	25.528	50.921	64.933
Tổng nợ phải trả	99.109	213.291	261.994	343.465
+ Vốn cổ phần	43.544	43.544	43.544	41.074
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.260	1.260	1.260	(6.756)
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	79.413	99.934	133.392	167.206
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	131.407	148.522	182.636	220.744
Tổng cộng nguồn vốn	230.516	361.813	444.631	564.209

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	18,8%	-26,6%	66,0%	-1,2%
Tăng trưởng LNNT	31,9%	-19,8%	12,1%	-5,7%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	86,8%	-36,7%	16,3%	-7,7%
Tăng trưởng EPS	9,2%	-25,7%	9,4%	6,9%
Tăng trưởng VCSH	47,4%	13,0%	23,0%	20,9%
Tăng trưởng Tổng tài sản	7,1%	57,0%	22,9%	26,9%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	5,83	6,34	5,46	11,91
P/B	1,82	1,26	0,96	1,87
EV/EBITDA	5,71	7,88	8,69	17,03
EV/Sales	2,92	3,39	2,14	4,39
EPS (đồng/cp)	8.916	6.621	7.240	7.742
BVPS (đồng/cp)	28.647	33.349	41.177	49.334

Nguồn: VHM, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây